

Số: 32/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình đồng bộ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và dịch vụ liên quan

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2011/QH13 ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình đồng bộ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và dịch vụ liên quan với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

- Phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh góp phần phát huy lợi thế cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế và của các địa phương; coi trọng và phát huy các lợi thế về nông nghiệp, công nghiệp, phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, du lịch; hướng đến xây dựng cơ cấu kinh tế với các ngành kinh tế chủ lực làm

trọng tâm và phát triển đa dạng các loại hình và ngành, nghề kinh doanh có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình phát triển kinh tế, xã hội trong nước và ngoài nước theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh, ổn định và bền vững;

- Phát triển đồng bộ các cụm sản xuất liên ngành nhằm góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao hiệu quả và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế gắn với việc hình thành chuỗi giá trị sản xuất và nâng cao giá trị trong nước; phát huy lợi thế của từng vùng, chuyển đổi và hình thành cơ cấu vùng kinh tế hợp lý, đa dạng về ngành, nghề và trình độ phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đồng bộ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất của các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh thuộc năm ngành: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và các dịch vụ liên quan.

2. Mục tiêu cụ thể

- Năm 2015: Hoàn thành nghiên cứu, xác định các vùng tiềm năng, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và mô hình cụm ngành phù hợp để triển khai thí điểm phát triển 5 cụm ngành cho 5 lĩnh vực: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và các dịch vụ liên quan; hoàn thành rà soát các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực và vùng kinh tế để xác định định hướng thu hút đầu tư theo hướng hình thành phát triển các cụm ngành;

- Đến 2020: Về cơ bản hình thành được 5 cụm ngành thí điểm tại các vùng tiềm năng đã xác định; hoàn chỉnh cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nâng cao năng lực doanh nghiệp, hỗ trợ liên kết, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị và hình thành cụm ngành công nghiệp.

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh thuộc các ngành điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và các dịch vụ liên quan

a) Ngành điện tử và công nghệ thông tin

- Xây dựng định hướng phát triển dài hạn và định hướng thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào các công nghệ nguồn, sản xuất một số linh phụ kiện chủ chốt;

- Khuyến khích và thu hút đầu tư từ nước ngoài để hình thành các cụm ngành điện tử, tạo sức hấp dẫn cho các nhà đầu tư khác, đồng thời khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trong nước tham gia cụm ngành theo hướng cung ứng linh, phụ kiện điện tử gắn kết vào chuỗi sản xuất, cung ứng quốc tế;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển cho lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin; đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu cho các phòng thí nghiệm trọng điểm về điện tử, công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, thử nghiệm phục vụ sản xuất; khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các nhà khoa học, tổ chức khoa học, nghiên cứu, ứng dụng nghiên cứu vào sản xuất các sản phẩm điện tử thông qua nguồn hỗ trợ từ các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia;

- Tập trung phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin có trình độ cao trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin; chú trọng tăng cường liên kết đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có thể làm chủ công nghệ giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp;

- Khuyến khích phát triển các sản phẩm phần cứng - điện tử; phần mềm; nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin có giá trị gia tăng cao.

b) Ngành dệt may

- Phát triển, thu hút đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị vào khâu sản xuất nguyên phụ liệu ngành dệt may, đặc biệt là khâu dệt, nhuộm và hoàn thiện để các doanh nghiệp chuyển sản xuất từ phương thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CMT) sang các hình thức khác như gia công từng phần (OEM), mua nguyên liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM), tiến tới sản xuất sản phẩm với thương hiệu riêng (OBM);

- Khuyến khích hình thành và phát triển cụm ngành dệt may tại các khu vực/địa phương có tiềm năng; thúc đẩy liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong chuỗi từ khâu cung ứng nguyên liệu đến phân phối sản phẩm may mặc;

- Xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để cung ứng kịp thời cho các doanh nghiệp trong ngành;

- Củng cố hệ thống đào tạo chuyên ngành dệt may, đặc biệt trong lĩnh vực dệt, nhuộm, thiết kế và thời trang.

c) Ngành chế biến lương thực, thực phẩm

- Rà soát, hoàn thiện quy hoạch vùng nguyên liệu, quy hoạch mạng lưới chế biến của từng ngành theo hướng tập trung phát triển những ngành hàng có năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng cao;

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để gắn kết các nhà máy, cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu thông qua hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tạo sự liên kết chặt chẽ trong toàn chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cho các tổ chức nghiên cứu nông nghiệp, đặc biệt là các viện nghiên cứu liên quan đến các sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao như: Lúa gạo, cà phê, thủy sản.

d) Ngành máy nông nghiệp

- Tập trung triển khai các dự án sản xuất máy móc nông nghiệp, dự án sản xuất các loại linh phụ kiện quan trọng, dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao;

- Thúc đẩy liên kết giữa các viện nghiên cứu với doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng; hình thành các trung tâm trình diễn cơ khí hóa nông nghiệp như chợ công nghệ thực hành để tập trung năng lực ứng dụng, trình diễn kỹ thuật, quảng bá sản phẩm, sớm phổ biến đại trà thiết bị công nghệ tiên tiến;

- Khuyến khích, thu hút các hãng sản xuất máy nông nghiệp nước ngoài đầu tư, hợp tác với doanh nghiệp trong nước sản xuất máy nông nghiệp và tham gia cung ứng chi tiết, linh kiện theo hướng gắn với phát triển cụm ngành cơ khí, máy nông nghiệp;

- Ban hành các chính sách khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đầu tư sản xuất máy, thiết bị nông nghiệp và linh phụ kiện nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong ngành.

đ) Ngành du lịch và dịch vụ liên quan

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch, đặc biệt là hệ thống cảng thương mại, đường bay quốc tế kết nối với những thị trường tiềm năng và các dịch vụ công cộng;

- Cải thiện các chính sách về thị thực đối với khách du lịch; triển khai hệ thống cấp thị thực điện tử, cấp thị thực tại cửa khẩu; mở rộng đối tượng miễn thị thực cho các thị trường du lịch tiềm năng; đơn giản hóa các thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh;

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức và đào tạo ngắn hạn cho các đối tượng tham gia chuỗi giá trị du lịch; tổ chức các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho đối tượng lao động trong các cơ sở dịch vụ du lịch;

- Đẩy mạnh các biện pháp quản lý liên ngành đối với các cơ sở ăn uống, cơ sở mua sắm du lịch, hỗ trợ các địa phương phát triển thương hiệu các sản vật địa phương, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa lưu niệm phục vụ du lịch.

2. Phát triển các cụm ngành sản xuất sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và cụm ngành du lịch, dịch vụ liên quan

a) Rà soát các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực và địa phương/vùng lãnh thổ, đồng thời công bố định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành/lĩnh vực, địa phương/vùng lãnh thổ theo hướng hình thành, phát triển các cụm ngành; tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư có chiến lược đồng thời có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp nhằm thu hút các doanh nghiệp tham gia hình thành và phát triển cụm ngành tại các khu vực/địa phương có tiềm năng;

b) Huy động sự tham gia của mọi thành phần xã hội trong việc đầu tư hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các cụm ngành đặc trưng tại các địa phương và khu vực có tiềm năng; sử dụng các nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, phân phối, thương mại gắn với bảo vệ môi trường tại các cụm ngành;

c) Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; các cơ sở đào tạo cung cấp nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn công nhân kỹ thuật cao cho các doanh nghiệp tại các cụm ngành; hình thành một số trung tâm tư vấn, nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ chuyên ngành phục vụ cho hoạt động của các cụm ngành tại các địa bàn và khu vực có tiềm năng;

d) Rà soát, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các ngành theo hướng hình thành cụm để phục vụ chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn ngành; xây dựng các chương trình đào tạo và nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo nghề, đào tạo công nhân bậc cao, hướng tới đào tạo công nhân có kỹ năng nghề theo chuẩn quốc tế phục vụ nhu cầu tại chỗ của các cụm ngành;

đ) Nâng cấp và hình thành các cụm ngành đặc trưng ở một số địa phương:

- Cụm ngành điện tử gia dụng ở Bình Dương; cụm ngành điện tử nghe nhìn ở khu vực các tỉnh/thành phố Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, thành phố Hà Nội, Hải Dương; cụm sản phẩm công nghệ thông tin và dịch vụ liên quan ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng;

- Cụm ngành dệt sợi và may mặc ở khu vực các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Giang; cụm ngành may mặc ở Thành phố Hồ Chí Minh (chuyên về cung ứng nguyên phụ liệu và dịch vụ) và khu vực miền Trung (chuyên về ODM);

- Cụm ngành chế biến sản phẩm thủy sản ở các tỉnh vùng Tây Nam bộ; cụm ngành chế biến thủy sản và nông sản ở các tỉnh duyên hải và cao nguyên miền Trung; cụm ngành chế biến nông sản ở các tỉnh trung du phía Bắc;

- Cụm ngành máy và thiết bị nông nghiệp ở khu vực các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và cụm ngành tại khu vực các tỉnh/thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Nai;

- Cụm du lịch Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển các sản phẩm du lịch tham quan thưởng ngoạn thắng cảnh và sinh thái biển; cụm du lịch Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế - Quảng Nam phát triển cụm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với vui chơi giải trí, tham quan thắng cảnh, tìm hiểu di sản văn hoá; cụm du lịch Khánh Hoà - Bình Thuận phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển dài ngày, vui chơi giải trí đô thị, tham quan khám phá cảnh quan, thể thao biển; cụm du lịch Bình Định - Phú Yên - Ninh Thuận phát triển theo các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với thiên nhiên hoang sơ; cụm du lịch Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển dịch vụ nghỉ dưỡng biển và giải trí đô thị; cụm du lịch đảo Phú Quốc với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, khám phá đảo.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp chính sách

a) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ liên kết giữa các cơ sở đào tạo, đặc biệt là cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, tham vấn nội dung chương trình đào tạo, tăng cường thời lượng thực hành;

- Hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề nâng cao năng lực giảng viên, cập nhật thông tin, kiến thức mới thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp;

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tận dụng các chương trình hỗ trợ, hợp tác với các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo nghề.

b) Thu hút đầu tư

- Xây dựng các chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các khâu thượng nguồn, phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm và hình thành cụm ngành công nghiệp của các sản phẩm này;

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là các tập đoàn lớn, đa quốc gia đối với đối với các dự án/lĩnh vực đầu tư gắn với chuyển giao các công nghệ sản xuất trình độ cao và hình thành chuỗi liên kết cung ứng với các doanh nghiệp trong nước;

- Xây dựng các cơ chế ưu đãi đặc thù khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất tại các cụm ngành.

c) Phát triển khoa học công nghệ

- Xây dựng cơ chế đặc thù nhằm thu hút các công nghệ nguồn từ nước ngoài thông qua các hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên kết nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong các khâu thượng nguồn và sản xuất linh phụ kiện phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh;

- Thúc đẩy hoạt động ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong các ngành;

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các đơn vị nghiên cứu chuyên ngành; đầu tư tăng cường trang thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ có đủ năng lực tiếp thu làm chủ công nghệ mới, sáng tạo công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên;

- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, hài hòa tiêu chuẩn sản phẩm, quy chuẩn kỹ thuật với quốc tế.

2. Nhóm giải pháp hỗ trợ thông qua các dự án ưu tiên thực hiện Chương trình

a) Các dự án chung

- Rà soát các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực và địa phương/vùng lãnh thổ, đồng thời công bố định hướng thu hút đầu tư theo ngành/lĩnh vực, địa phương/vùng lãnh thổ nhằm hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành;

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, phát triển cụm ngành công nghiệp, du lịch;

- Tăng cường năng lực cho các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh;

- Hỗ trợ hình thành liên kết đào tạo nhân lực giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp công nghiệp/dịch vụ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, hình thành cụm ngành;

b) Các dự án theo ngành

- Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành điện tử - công nghệ thông tin;

- Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành dệt may;

- Phát triển thị điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành máy nông nghiệp;

- Phát triển thị điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành chế biến lương thực, thực phẩm;

- Thiết lập hệ thống logistics thúc đẩy liên kết vùng trong sản xuất, cung ứng, chế biến và tiêu thụ lúa gạo khu vực phía Nam;

- Phát triển thị điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành du lịch và các dịch vụ liên quan;

- Nâng cao nhận thức và ứng xử du lịch;

- Nâng cấp cảng thương mại phục vụ du lịch.

(Chi tiết các dự án nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai Chương trình điều hành hoạt động của Chương trình và thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể được phân công;

b) Thành lập Ban điều hành do Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng ban để thực hiện Chương trình, thành phần bao gồm: Đại diện các Bộ ngành liên quan. Quy chế hoạt động của Ban điều hành và Văn phòng thường trực do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định;

c) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình; và đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung nội dung, nhiệm vụ Chương trình trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí phù hợp cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình phát triển cụm liên kết công nghiệp và nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất các ngành: Điện tử và công nghệ thông tin; dệt may; chế biến lương thực, thực phẩm; máy nông nghiệp; du lịch và các dịch vụ liên quan đến du lịch.

3. Các Bộ ngành có liên quan:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể được phân công;

b) Định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả và báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án được giao.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Dự án Nâng cấp cảng thương mại phục vụ du lịch đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành có liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ, dự án của Chương trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh các HTX Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). *XH 13*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 94/ SY-UBND

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2015

Nơi nhận:

- Sở Công thương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, K6;
- Lưu: VT (12).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận



Phụ lục

**CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐỒNG BỘ PHÁT TRIỂN
VÀ NÂNG CẤP CỤM NGÀNH VÀ CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÁC
SẢN PHẨM CÓ LỢI THẾ CẠNH TRANH: ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN, DỆT MAY, CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM,
MÁY NÔNG NGHIỆP, DU LỊCH VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. CÁC DỰ ÁN CHUNG		
1. Hỗ trợ hình thành liên kết đào tạo nhân lực giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp công nghiệp/dịch vụ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, hình thành cụm ngành		
a	Mục tiêu	Hỗ trợ đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh
b	Đối tượng	Các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp thuộc các ngành: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp và các doanh nghiệp dịch vụ thuộc lĩnh vực du lịch.
c	Nội dung chính	- Đánh giá hiện trạng về nguồn nhân lực phục vụ phát triển các ngành và hiện trạng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, công nhân có tay nghề trong các ngành; - Đánh giá năng lực của các cơ sở đào tạo và nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực, công nhân bậc cao phục vụ sản xuất và phát triển của các ngành; - Rà soát, điều chỉnh và đề xuất kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các ngành; - Xây dựng và hỗ trợ thực hiện các chương trình liên kết đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các cơ sở đào tạo tại chỗ với các doanh nghiệp trong cụm; - Đề xuất kế hoạch tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các đơn vị đào tạo phục vụ nhu cầu tại chỗ của các cụm ngành.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ; và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ

2. Rà soát các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực và địa phương/vùng lãnh thổ, đồng thời công bố định hướng thu hút đầu tư theo ngành/lĩnh vực, địa phương/vùng lãnh thổ nhằm hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành		
a	Mục tiêu	Đảm bảo tính thống nhất trong định hướng thu hút đầu tư dài hạn và phát huy một cách tối đa lợi thế cạnh tranh của các địa phương/vùng lãnh thổ và các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của các ngành/lĩnh vực trong việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm và phát triển các cụm ngành
b	Đối tượng	Các ngành: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp, du lịch và dịch vụ liên quan
c	Nội dung chính	- Rà soát các chiến lược, quy hoạch ngành/lĩnh vực/địa phương/vùng lãnh thổ; - Rà soát các định hướng về thu hút đầu tư đã có theo ngành/lĩnh vực và địa phương/vùng lãnh thổ; - Ban hành định hướng thu hút đầu tư theo ngành/lĩnh vực (điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp và du lịch) và theo địa phương/vùng lãnh thổ có tiềm năng phát triển cụm ngành công nghiệp và du lịch.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng lãnh thổ); - Các Bộ: Công Thương (chiến lược, quy hoạch ngành/lĩnh vực dệt may, máy nông nghiệp); Thông tin và Truyền thông (chiến lược, quy hoạch ngành/lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin); Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chế biến lương thực, thực phẩm); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (du lịch và dịch vụ liên quan). Phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan.
d	Thời gian	2015
e	Nguồn ngân sách	Vốn sự nghiệp kinh tế cho công tác lập quy hoạch của các Bộ, ngành
3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, phát triển cụm ngành công nghiệp, du lịch		
a	Mục tiêu	Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, phát triển cụm ngành công nghiệp, dịch vụ
b	Đối tượng	Các ngành: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp và du lịch và dịch vụ liên quan

c	Nội dung chính	- Rà soát các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư hiện có đối với các ngành/lĩnh vực và địa phương/lãnh thổ; các cơ chế ưu đãi đặc thù trong thu hút đầu tư phát triển các khu/cụm công nghiệp; - Đánh giá nhu cầu/yêu cầu về hỗ trợ, thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và phát triển các cụm ngành tại các địa phương/vùng có tiềm năng; - Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, hỗ trợ đầu tư đặc thù nhằm nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cấp, phát triển cụm ngành công nghiệp, dịch vụ.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan.
đ	Thời gian	2015 – 2016
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước
4. Tăng cường năng lực cho các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh		
a	Mục tiêu	Tăng cường năng lực nghiên cứu cho các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ hỗ trợ nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh
b	Đối tượng	Các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ thuộc các ngành: Điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp và các doanh nghiệp dịch vụ thuộc lĩnh vực du lịch và các dịch vụ có liên quan.
c	Nội dung chính	- Rà soát, đánh giá năng lực hiện có của các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ thuộc các ngành điện tử và công nghệ thông tin, dệt may, chế biến lương thực thực phẩm, máy nông nghiệp và các doanh nghiệp dịch vụ thuộc lĩnh vực du lịch và dịch vụ có liên quan; - Đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực và phát triển khoa học công nghệ của các cơ sở nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ phục vụ việc phát triển, nâng cấp các chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh; - Đề xuất kế hoạch hỗ trợ đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ hỗ trợ nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ

II. CÁC DỰ ÁN THEO NGÀNH		
1. Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành điện tử - công nghệ thông tin		
a	Mục tiêu	Hỗ trợ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong ngành điện tử - công nghệ thông tin
b	Đối tượng	Doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ thuộc ngành điện tử - công nghệ thông tin
c	Nội dung chính	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành điện tử - công nghệ thông tin theo hướng hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành; - Triển khai các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất các công nghệ có lợi thế cạnh tranh: Công nghệ vi mạch điện tử, phần mềm nền, thiết bị thông tin và truyền thông, phần mềm và nội dung số; - Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh: Công nghệ vi mạch điện tử, phần mềm nền, thiết bị thông tin và truyền thông, phần mềm và nội dung số; - Thí điểm lựa chọn phát triển 01 cụm ngành trong các cụm ngành có tiềm năng: Cụm ngành điện tử gia dụng ở Bình Dương; cụm ngành điện tử nghe nhìn ở khu vực các tỉnh/thành phố Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, thành phố Hà Nội, Hải Dương; cụm sản phẩm công nghệ thông tin và dịch vụ liên quan ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông Phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, vốn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn tài trợ hợp pháp khác
2. Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành dệt may		
a	Mục tiêu	Hỗ trợ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong ngành Dệt may
b	Đối tượng	Doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ thuộc ngành dệt may
c	Nội dung chính	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành dệt may theo hướng hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành; - Đề xuất danh mục các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành Dệt may; lựa chọn và hỗ trợ việc sản xuất thí điểm một số sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành;

		- Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành dệt may; - Thí điểm lựa chọn phát triển 01 cụm ngành trong các cụm ngành có tiềm năng: Dệt sợi và may mặc ở khu vực các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Giang; cụm ngành may mặc ở Thành phố Hồ Chí Minh (chuyên về cung ứng nguyên phụ liệu và dịch vụ) và khu vực miền Trung (chuyên về ODM).
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan.
d	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác

3. Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành máy nông nghiệp

a	Mục tiêu	Hỗ trợ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong ngành máy nông nghiệp
b	Đối tượng	Doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ thuộc ngành máy nông nghiệp
c	Nội dung chính	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành máy nông nghiệp theo hướng hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành; - Đề xuất danh mục các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành máy nông nghiệp; lựa chọn, hỗ trợ việc sản xuất thí điểm một số sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành; hỗ trợ sản xuất loạt nhỏ một số loại máy nông nghiệp thiết yếu; - Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh máy nông nghiệp; - Thí điểm lựa chọn phát triển 01 cụm ngành trong các cụm ngành có tiềm năng: máy và thiết bị nông nghiệp tại khu vực các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng; cụm ngành máy và thiết bị tại khu vực các tỉnh/thành phố: Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Nai.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Công Thương Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan.
d	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác

4. Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành chế biến lương thực, thực phẩm		
a	Mục tiêu	Hỗ trợ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong ngành chế biến lương thực thực phẩm
b	Đối tượng	Doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ thuộc ngành chế biến lương thực, thực phẩm
c	Nội dung chính	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành chế biến lương thực, thực phẩm theo hướng hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành; - Đề xuất danh mục các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành chế biến lương thực, thực phẩm; lựa chọn, hỗ trợ sản xuất thí điểm một số sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành; - Xây dựng và triển khai chương trình khoa học công nghệ phục vụ việc nâng cấp chuỗi giá trị cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của ngành chế biến lương thực, thực phẩm; - Thí điểm lựa chọn phát triển 01 cụm ngành trong các cụm ngành có tiềm năng: Chế biến sản phẩm thủy sản tại các tỉnh vùng Tây Nam bộ; chế biến thủy sản và nông sản tại các tỉnh duyên hải và cao nguyên miền Trung; chế biến nông sản tại các tỉnh trung du phía Bắc.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phối hợp: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan.
d	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
5. Thiết lập hệ thống logistics thúc đẩy liên kết vùng trong sản xuất, cung ứng, chế biến và tiêu thụ lúa gạo khu vực phía Nam		
a	Mục tiêu	Nâng cao chuỗi giá trị lúa gạo nhờ nâng cấp hệ thống kho vận linh hoạt gắn với chế biến công nghiệp quy mô lớn cho một số vùng chuyên canh lúa tại đồng bằng sông Cửu Long
b	Đối tượng	Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực lương thực, thực phẩm, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp logistics khu vực phía Nam;
c	Nội dung chính	- Lập phương án và hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp chế biến nông sản tập trung, đồng bộ với hạ tầng giao thông (thủy, bộ); - Xây dựng hệ thống kho chứa, giao nhận; hỗ trợ xúc tiến thương mại, bảo đảm hoạt động của chuỗi sản xuất vùng.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan

d	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	- Sử dụng vốn sự nghiệp cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Kêu gọi đầu tư của các doanh nghiệp theo hình thức PPP
6. Phát triển thí điểm cụm ngành và nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ngành du lịch và các dịch vụ liên quan		
a	Mục tiêu	Hỗ trợ phát triển và nâng cấp cụm ngành và chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch và các dịch vụ có liên quan
b	Đối tượng	Doanh nghiệp dịch vụ thuộc ngành du lịch
c	Nội dung chính	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành du lịch theo hướng hỗ trợ việc nâng cấp chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hình thành phát triển các cụm ngành; - Xây dựng chương trình thí điểm phát triển một số thương hiệu các sản phẩm địa phương, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa lưu niệm phục vụ du lịch; - Thí điểm lựa chọn phát triển 01 cụm ngành trong các cụm ngành có tiềm năng: Cụm du lịch Hải Phòng - Quảng Ninh phát triển các sản phẩm du lịch tham quan thưởng ngoạn thắng cảnh và sinh thái biển; cụm du lịch Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế - Quảng Nam phát triển cụm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với vui chơi giải trí, tham quan thắng cảnh, tìm hiểu di sản văn hoá; cụm du lịch Khánh Hoà - Bình Thuận phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển dài ngày, vui chơi giải trí đô thị, tham quan khám phá cảnh quan, thể thao biển; cụm du lịch Bình Định - Phú Yên - Ninh Thuận phát triển theo các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với thiên nhiên hoang sơ; cụm du lịch Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển dịch vụ nghỉ dưỡng biển và giải trí đô thị; cụm du lịch đảo Phú Quốc với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, khám phá đảo.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan.
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, viện trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác
7. Nâng cao nhận thức và ứng xử du lịch		
a	Mục tiêu	Nâng cao nhận thức về du lịch, kỹ năng phục vụ và phong cách ứng xử chuyên nghiệp, hiệu quả cho các đối tượng trong và ngoài ngành du lịch đang tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị du lịch biển thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn.
b	Đối tượng	- Nhân viên tại các khách sạn, nhà hàng; hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm du lịch; - Nhân viên xuất nhập cảnh, hải quan;

		- Lái xe du lịch, lái taxi, lái xe điện, lái xe ôm; hộ kinh doanh bán lẻ hàng lưu niệm và hàng hoá tại các trung tâm du lịch; hộ kinh doanh nhà hàng ăn uống tại các trung tâm du lịch; cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch.
c	Nội dung chính	- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng phục vụ khách du lịch. - Tổ chức các hội thảo tập huấn về phong cách ứng xử và thái độ phục vụ khách du lịch. - Tổ chức các chương trình truyền thông, giáo dục về phong cách ứng xử, thái độ phục vụ khách du lịch.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Chương trình hành động quốc gia về du lịch
8. Nâng cấp cảng thương mại phục vụ du lịch		
a	Mục tiêu	Đầu tư, nâng cấp một số cảng biển thương mại gần các trung tâm du lịch lớn trở thành cảng biển phục vụ khách du lịch
b	Đối tượng	- Khu vực miền Trung: Phát triển cảng Chân Mây thành cảng biển du lịch trên cơ sở thế mạnh về khả năng liên kết với các sân bay, cảng hàng không quốc tế cũng như các địa danh du lịch nổi tiếng tại Huế, Đà Nẵng. - Khu vực miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu phát triển ít nhất 1 cầu cảng chuyên dụng cho các tàu du lịch neo đậu.
c	Nội dung chính	- Khu vực miền Trung: + Ngắn hạn: Cải tạo, phát triển 1 cầu cảng chuyên dụng trong cảng Chân Mây để đón tiếp khách du lịch. + Dài hạn: Phát triển bến tàu biển tại cảng Chân Mây. - Khu vực miền Nam: + Ngắn hạn: Cải tạo, phát triển 1 cảng gần Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu cho các tàu du lịch với tiêu chí thông thoáng, không có các tàu chở hàng lớn và một bến tàu đơn giản. + Dài hạn: Xây dựng 1 cầu cảng cái có thể phục vụ được những tàu du lịch lớn và một bến tàu với tiêu chí cảng gần Thành phố Hồ Chí Minh càng tốt.
d	Đơn vị chủ trì và phối hợp	Chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
đ	Thời gian	2015 - 2020
e	Nguồn vốn	Vốn ngân sách phát triển hạ tầng địa phương